

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI

Bản án số: 04/2022/HSST
Ngày: 24/02/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa ông: **Ngô Trung Thực**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Ngọc Bình,

Nghề nghiệp: Giáo viên đã nghỉ hưu;

2. Ông: Trương Công Chự,

Nghề nghiệp: Giáo viên đã nghỉ hưu;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông: **Hà Đức Quang** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Prông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông tham gia phiên tòa bà: **Mai Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2022. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 12/01/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1945; tại huyện V, tỉnh B;

Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, thị trấn K, huyện B, tỉnh Gia Lai. Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông, dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn K (Đã chết) và bà Phan Thị Đ (Đã chết). Bị cáo có vợ là Quách Thị S, sinh năm 1948 và có 07 con;

- Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

- Tạm giữ: Từ ngày 15/01/2021 đến ngày 24/01/2021 được tại ngoại.

- Tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ B, thị trấn CPr, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Nguyễn Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt có lý do.

+ Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt có lý do.

+ Trần Trọng N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Phường Y, TP. P, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Nguyễn Văn D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ N, thị trấn CP, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có lý do.

+ Đỗ Huỳnh B, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ N, thị trấn CPr, huyện CPr, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có lý do.

+ Rơ Ô H'T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Buôn T xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện CPr truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Văn N là anh trai của Nguyễn Thị T (sinh năm 1967, trú tại TDP B, thị trấn CPr, huyện CPr, tỉnh Gia Lai). N được bà T giao trông coi, quản lý nhà nghỉ G ở TDP N, TT CPr, huyện CPr.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14/01/2021, Trần Trọng N (sinh năm 1994) đi đến nhà nghỉ G để mua dâm thỏa mãn nhu cầu sinh lý của bản thân. Khi đến gặp N, N hỏi “Có gái chơi không, kêu cho một người”, N nói “Chờ xíu, về phòng trước đi”, rồi N chỉ cho N vào phòng đầu tiên bên tay trái (Phòng số 5), N đưa 50.000 đồng cho N và nói “Kiếm em nào đẹp đẹp chút, tôi cho ông 50.000 đồng”, N đồng ý và cầm tiền. N vào phòng ngồi đợi. N lấy điện thoại bấm số gọi cho chị Nguyễn Thị L (tên gọi khác là D, sinh năm 1985, L lúc này đang ở nhà bà T) nói “Xuống đi khách, có người”, L đồng ý và đi xuống nhà nghỉ. N chỉ cho L vào phòng. L vào phòng số 5 thỏa thuận mua bán dâm với giá 400.000 đồng, N đồng ý và đưa cho L số tiền trên rồi thực hiện hành vi mua bán quan hệ tình dục với nhau (có sử dụng bao cao su).

Khoảng 5-10 phút sau, Nguyễn Công T (sinh năm 1990, trú tại thôn P, IB) điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ G để mua dâm nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh lý. Khi vào nhà nghỉ gặp N thì T hỏi “Có em út không” thì N nói là “Có”, T hỏi “Bao nhiêu”, N trả lời giá 400.000 đồng bao phòng, còn qua đêm thì 1.000.000 đồng”. T đồng ý và đưa cho N 400.000 đồng, N chỉ T vào phòng số 3 và bảo T ngồi đợi. Sau đó N đi qua phòng của chị Nguyễn Thị H (tên gọi khác là L, sinh năm 1974, trú tại xã N, huyện T, tỉnh B, H ở tại nhà nghỉ G) nói H “có khách nè có đi thì ra đi”. H đồng ý và đi ra. Số tiền 400.000 đồng T đưa cho N thì N lấy 50.000 đồng (tiền công giới thiệu khách mua dâm cho H) còn đưa cho Huệ 350.000 đồng. Sau đó, T và H thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau (có dùng bao cao su).

Khi 2 đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an vào kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ G, phát hiện sự việc 2 đôi nam nữ đang mua bán dâm đã tiến hành lập biên bản về sự việc trên, thu giữ tiền, điện thoại, giấy chứng minh nhân dân, bao cao su (chưa và đã qua sử dụng).

Về vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A51 màu xanh, có số Imei 1 là 352353111979362, số Imei 2 là 352354111979360, trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị L;

- 01 điện thoại di động Nokia model TA-1174 màu đen IMEI 1 là 353141113104066, số IMEI 2 là 353141118104061, bên trong có 01 sim Mobifone có số seri sim là 8401200233954735, là điện thoại Nguyễn Văn N sử dụng để liên hệ gái bán dâm đến nhà nghỉ G để thực hiện hành vi môi giới mại dâm, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội do đó tịch thu sung công theo quy định của pháp luật;

- 02 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ SURE đã bị xé rách, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 03 bao cao su màu đỏ có chữ SURE còn nguyên vỏ, đây là vật chứng của hành vi vi phạm mua bán dâm do đó tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật;

- 01 CMND số 125574217 trả lại cho Nguyễn Thị H;

- 01 CMND số 230031433 trả lại cho Nguyễn Văn N;

- Số tiền 850.000 đồng bao gồm:

+ 100.000 đồng tiền thu của Nguyễn Văn N (trong đó 50.000 đồng là thu tiền giới thiệu khách mua dâm cho Nguyễn Thị H, 50.000 đồng là số tiền đối tượng Trần Trọng N cho Nguyễn Văn N để tìm gái bán dâm cho mình), gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng

+ 350.000 đồng khách mua dâm trả cho Nguyễn Thị H, gồm 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng.

+ 400.000 đồng khách mua dâm trả cho Nguyễn Thị L, gồm 02 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng

Đây là tiền do việc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà có, do đó tịch thu sung công theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS ngày 08 tháng 11 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện CPr đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội: “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội: “Chứa mại dâm”.

-Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn N từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

-Về vật chứng:

+Đề nghị tịch thu tiêu hủy những vật chứng sau: 02 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ SURE đã bị xé rách, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 03 bao cao su màu đỏ có chữ SURE còn nguyên vỏ, đây là vật chứng của hành vi vi phạm mua bán dâm;

+Đề nghị tịch thu sung công quỹ những vật chứng sau:

Số tiền 850.000 đồng bao gồm:

*100.000 đồng tiền thu của Nguyễn Văn N (trong đó 50.000 đồng là thu tiền giới thiệu khách mua dâm cho Nguyễn Thị H, 50.000 đồng là số tiền đối tượng Trần Trọng N cho Nguyễn Văn N để tìm gái bán dâm cho mình), gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng

*350.000 đồng khách mua dâm trả cho Nguyễn Thị H, gồm 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng.

*400.000 đồng khách mua dâm trả cho Nguyễn Thị L, gồm 02 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng.

*01 điện thoại di động Nokia model TA-1174 màu đen IMEI 1 là 353141113104066, số IMEI 2 là 353141118104061, bên trong có 01 sim Mobifone có số seri sim là 8401200233954735, là điện thoại Nguyễn Văn N sử dụng để liên hệ gái bán dâm đến nhà nghỉ G để thực hiện hành vi bán dâm, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội do đó tịch thu sung công theo quy định của pháp luật;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã hết tuổi lao động, không có công việc và thu nhập vì vậy không đề nghị phạt bổ sung bị cáo bằng hình phạt tiền là phù hợp.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CPr, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện CPr, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ và lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Có căn cứ xác định:

Bị cáo Nguyễn Văn N biết việc chứa mại dâm là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cho bản thân, khi khách đến nhà nghỉ có nhu cầu mua dâm thì bị cáo đã liên hệ với gái bán dâm đến nhà nghỉ mà bị cáo quản lý để bán

dâm vì vậy hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Chứa mại dâm”. Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã sắp xếp cho hai gái bán dâm tại nhà nghỉ G, nơi bị cáo quản lý, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng định khung “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Việc làm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến nếp sống lành mạnh, đạo đức, thuần phong mỹ tục của đời sống văn hóa nói chung và an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải có biện pháp giáo dục đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

[3.] Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, bị cáo có mẹ đẻ là người có công với cách mạng. Khi bị cáo thực hiện tội phạm thì bị cáo đã trên 70 tuổi vì vậy khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết quy định tại điểm s, điểm o khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 là phù hợp.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Căn cứ yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo rèn luyện, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên cần xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để hạ khung hình phạt cho bị cáo cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4.] Về vật chứng: Quá trình điều tra đã trả lại các vật chứng gồm:

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A51 màu xanh, có số Imei 1 là 352353111979362, số Imei 2 là 352354111979360, trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị L;

- 01 CMND số 125574217 trả lại cho Nguyễn Thị H;

- 01 CMND số 230031433 trả lại cho Nguyễn Văn N; Việc xử lý vật chứng của Công an huyện CPr như trên là phù hợp quy định của pháp luật nên không đề cập xử lý.

- Đối với vật chứng là: 02 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ SURE đã bị xé rách, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 03 bao cao su màu đỏ có chữ SURE còn nguyên vỏ, đây là vật chứng của hành vi mua bán dâm; không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với những vật chứng là:

*100.000 đồng tiền thu của Nguyễn Văn N (trong đó 50.000 đồng là thu tiền giới thiệu khách mua dâm cho Nguyễn Thị H, 50.000 đồng là số tiền đối tượng Trần Trọng N cho Nguyễn Văn N để tìm gái bán dâm cho mình), gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng.

*350.000 đồng khách mua dâm trả cho Nguyễn Thị H, gồm 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng.

*400.000 đồng khách mua dâm trả cho Nguyễn Thị L, gồm 02 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng.

Đây là số tiền thu lợi từ hành vi bán dâm và chứa mại dâm nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

-Đối với vật chứng là: 01 điện thoại di động Nokia model TA-1174 màu đen IMEI 1 là 353141113104066, số IMEI 2 là 353141118104061, bên trong có 01 sim Mobifone có số seri sim là 8401200233954735, là điện thoại Nguyễn Văn N sử dụng để liên hệ gái bán dâm đến nhà nghỉ G để thực hiện hành vi bán dâm. Đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước.

[5.] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã hết tuổi lao động, không có công việc làm và thu nhập ổn định vì vậy không phạt bổ sung bị cáo bằng hình phạt tiền là phù hợp.

[6.] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội: “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Văn N 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tính từ ngày bắt bị cáo vào trại chấp hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/01/2021 đến ngày 24/01/2021.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ SURE đã bị xé rách, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 03 bao cao su màu đỏ có chữ SURE còn nguyên vỏ.

-Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 850.000 đồng và 01 điện thoại di động. Chi tiết cụ thể như sau:

*100.000 đồng tiền thu của Nguyễn Văn N (trong đó 50.000 đồng là thu tiền giới thiệu khách mua dâm cho Nguyễn Thị H, 50.000 đồng là số tiền đối tượng Trần Trọng N cho Nguyễn Văn N để tìm gái bán dâm cho mình), gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng

*350.000 đồng khách mua dâm trả cho Nguyễn Thị H, gồm 01 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng.

*400.000 đồng khách mua dâm trả cho Nguyễn Thị L, gồm 02 tờ polime mệnh giá 200.000 đồng.

*01 điện thoại di động Nokia model TA-1174 màu đen IMEI 1 là 353141113104066, số IMEI 2 là 353141118104061, bên trong có 01 sim Mobifone

có số seri sim là 8401200233954735, là điện thoại Nguyễn Văn N sử dụng để liên hệ gái bán dâm đến nhà nghỉ G để thực hiện hành vi bán dâm.

(Vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2021 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện CPr, tỉnh G).

Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135 , Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/02/2022) bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên qua trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán

(Đã ký)

Ngô Trung Thực

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai,
- VKSND huyện, tỉnh,
- Công an huyện,
- Chi cục THADS huyện,
- Cơ quan thi hành án HS,
- Bị cáo,
- Những người có QL&NVLQ,
- Lưu HSVA.